| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 3041 /QĐ-UBND | *Buôn Ma Thuột, ngày 16 tháng 9 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Phê duyệt Dự án: Cải tạo, sửa chữa hệ thống kênh mương hồ Quê Hương, phường Buôn Ma Thuột

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ Quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;*

*Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 23/6/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 050/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND phường Buôn Ma Thuột Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Buôn Ma Thuột;*

*Căn cứ Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk Về việc bổ sung dự toán chi phí ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và bổ sung ngân sách có mục tiêu năm 2026 cho các địa phương từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025 để thực hiện nhiệm vụ, dự án cấp thiết trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2716/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 của UBND phường Buôn Ma Thuột Về chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2026-2030 (PL I.24);*

*Căn cứ Thông báo số 454/TB-UBND ngày 06/8/2026 của UBND phường Buôn Ma Thuột thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Thanh Vũ – Chủ tịch UBND phường tại cuộc họp lãnh đạo UBND phường;*

*Xét Kết quả thẩm định số 35/KQTĐ-KTHT&ĐT ngày 14/9/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị v/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án: Cải tạo, sửa chữa hệ thống kênh mương hồ Quê Hương, phường Buôn Ma Thuột;*

*Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Buôn Ma Thuột tại Tờ trình số 53/TTr-BQLDA ngày 14/9/2026 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Cải tạo, sửa chữa hệ thống kênh mương hồ Quê Hương, phường Buôn Ma Thuột.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa hệ thống kênh mương hồ Quê Hương, phường Buôn Ma Thuột, với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Cải tạo, sửa chữa hệ thống kênh mương hồ Quê Hương, phường Buôn Ma Thuột.

**2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:**

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Nhóm dự án: Nhóm C.
- Cấp công trình: Cấp IV.

**Địa điểm xây dựng:** Phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**3. Người quyết định đầu tư**: Chủ tịch UBND phường Buôn Ma Thuột.

**4. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án ĐTXD phường Buôn Ma Thuột.

**5. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng:**

a. Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cao Nguyên lập. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 6000425275 đăng ký lần đầu ngày 28/8/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 26/3/2026 do phòng Quản lý doanh nghiệp Sở Tài chính cấp.

b. Nhà thầu thẩm tra thiết kế: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng – Tài nguyên nước SHT: Giấy phép ĐKKD số 6000637223 đăng ký lần đầu ngày

11/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/9/2013 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Chứng chỉ Năng lực hoạt động xây dựng số: DAL-00008024 do Sở xây dựng Đắk Lắk cấp ngày 24/01/2018;

**6. Mục tiêu dự án:**

- Khắc phục kịp thời tình trạng xuống cấp, hư hỏng công trình hiện trạng, đảm bảo cấp nước tưới ổn định cho 70ha lúa và 40ha cây trồng khác, ngoài ra công trình còn đảm bảo điều tiết lũ và cấp nước phục vụ sinh hoạt, chăn nuôi cho nhân dân khu vực hưởng lợi và vùng phụ cận;

- Góp phần tăng ổn định công trình về lâu dài, đảm bảo hiệu quả trong việc khai thác sử dụng công trình hiện có để phục vụ sản xuất nông nghiệp; Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kênh mương thuỷ lợi nói riêng và cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn nói chung để phục vụ phát triển kinh tế xã hội, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, giúp tăng năng suất, chất lượng, đa dạng hoá và nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm từ nông nghiệp.

**7. Quy mô đầu tư xây dựng:**

- Cống lấy nước đầu kênh N1 xây mới với chiều dài L=17,42m trong đó:

+ Đoạn cửa vào có chiều dài L=2,5m, chiều cao tường từ 1,72m đến 2,20m, bề rộng từ thu hẹp từ 1,50m về 0,80m có kết cầu bằng BTCT đá 1x2 M200 bản đáy dày 40cm phía dưới lót đá 4x6 vữa M50 dày 10cm;

+ Đoạn thân cống có chiều dài L=6,50m với kích thước BxH=(0,8x1,3)m kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M250 tường dày 30cm (bản đáy dày 40cm) đáy lót đá 4x6 VXM M50 dày 10cm. Phía trên đỉnh cống gia cố mặt đường 2 bên với chiều dài L=10m bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 20cm đáy lót đá 4x6 vữa M50 dày 15cm;

+ Đoạn cửa ra cống có chiều dài L= 8,42m có chiều cao tường từ 1,20m đến 2,40m; bề rộng thu hẹp từ 0,8m về 0,6m kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200 bản đáy dày 40cm phía dưới lót đá 4x6 vữa M50 dày 10cm.

- Cống lấy nước đầu kênh N2 xây mới với chiều dài L=18,0m trong đó:

+ Đoạn cửa vào có chiều dài L=4,0m có chiều cao tường từ 2,16m đến 2,76m, bề rộng từ thu hẹp từ 3,0m về 0,8m có kết cầu bằng BTCT đá 1x2 M200 bản đáy dày 40cm phía dưới lót đá 4x6 vữa M50 dày 10cm;

+ Đoạn thân cống có chiều dài L=6,70m với kích thước BxH=(0,8x1,9)m kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M250 tường dày 30cm (bản đáy dày 40cm) đáy lót đá 4x6 VXM M50 dày 10cm. Phía trên đỉnh cống gia cố mặt đường 2 bên với chiều dài L=10m bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 20cm đáy lót đá 4x6 vữa M50 dày 15cm;

+ Đoạn cửa ra cống có chiều dài L= 7,30m có chiều cao tường từ 0,8m đến 2,76m; bề rộng thu hẹp từ 0,8m về 0,6m kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200 bản đáy dày 40cm phía dưới lót đá 4x6 vữa M50 dày 10cm.

- Kênh N1 xây mới với chiều dài L=607,03m đoạn từ K0+300m-:-K0+907,03m trong đó:

+ Đoạn từ K0+300,0m đến K0+559,34m mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước BxH=(0,6x0,6)m, kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200 tường dày 12cm (bản đáy dày 14cm), đáy lót đá 4x6 vữa M50 dày 6cm, độ dốc đáy thiết kế i=0,002. Bờ kênh theo hiện trạng. Tổng chiều dài xây mới L = 259,34m;

+ Đoạn từ K0+559,34m đến K0+907,03m mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước BxH=(0,5x0,5)m, kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200 tường dày 12cm (bản đáy dày 12cm), đáy lót đá 4x6 vữa M50 dày 6cm, độ dốc đáy thiết kế i=0,005; i=0,017; i=0,003 và i=0,0007. Bờ kênh theo hiện trạng. Tổng chiều dài xây mới L = 347,69m;

+ Công trình trên kênh N1 gồm:

Xây mới 07 cống tưới tại K0+346,46m; K0+428,72m; K0+583,60m; K0+664,32m; K0+725,37m; K0+800,18m; K0+882,06m kết cấu bằng bê tông và BTCT đá 1x2 M200, đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm.

Xây mới 04 bể bơm tại K0+370,31m; K0+507,52m; K0+692,27m; K0+834,29m kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200, đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm.

Bố trí 01 cống qua đường tại K0+507,52m kết cấu bằng bê tông và BTCT đá 1x2 M200,đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm.

- Kênh N1-2 xây mới đoạn từ K0+1,4m-:-K0+351,65m mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước BxH=(0,4x0,5)m, kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200 tường dày 12cm (bản đáy dày 12cm), đáy lót đá 4x6 vữa M50 dày 6cm, độ dốc đáy thiết kế lần lượt là i=0,008, i=0,005, và i=0,002. Bờ kênh theo hiện trạng. Tổng chiều dài xây mới L=350,25m. Đoạn từ K0+1,40 đến K0+50,4 trên kênh đậy nắp tấm đan kích thước (1,0x0,64x0,12)m bằng BTCT đá 1x2 M200.

+ Công trình trên kênh N1-2 gồm:

Xây mới 06 cống tưới tại K0+47,42m; K0+109,41m; K0+150,24m; K0+209,77m; K0+214,70m; K0+303,27m kết cấu bằng bê tông và BTCT đá 1x2 M200, đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm;

Bố trí 01 bậc nước tại K0+279,13m kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M200, đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm;

- Kênh N2 xây mới với tổng chiều dài L=472,39m đoạn từ K0 đến K0+472,39m trong đó:

+ Đoạn từ K0 đến K0+329,26m mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước BxH=(0,6x0,6)m, kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200 tường dày 12cm (bản đáy dày 14cm), đáy lót đá 4x6 vữa M50 dày 6cm, độ dốc đáy thiết kế lần lượt là i=0,0015,

i=0,0035, và i=0,0075. Bờ kênh theo hiện trạng. Tổng chiều dài xây mới L = 329,26m;

+ Đoạn từ K0+329,26m đến K0+472,39m mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước BxH=(0,5x0,5)m, kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200 tường dày 12cm (bản đáy dày 12cm), đáy lót đá 4x6 vữa M50 dày 6cm, độ dốc đáy thiết kế lần lượt là i=0,0035 và i=0,005. Bờ kênh theo hiện trạng. Tổng chiều dài xây mới L = 143,13m.

+ Công trình trên kênh N2 gồm:

Xây mới 03 cống tưới tại K0+111,87m; K0+298,45m; K0+381,86m kết cấu bằng bê tông và BTCT đá 1x2 M200, đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm;

Bố trí 04 bậc nước tại K0+92,69m; K0+171,24m; K0+329,26m; K0+399,76m kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M200, đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm;

Bố trí 02 cầu qua kênh tại K0+149,82m; K0+347,03m kết cấu bằng bê tông và BTCT đá 1x2 M200,đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm.

Xây mới 01 cống đầu kênh N2-1 tại K0+196,36m kết cấu bằng bê tông và BTCT đá 1x2 M200, đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm.

- Kênh N2-1 xây mới với tổng chiều dài L=666,23m đoạn từ K0 đến K0+666,23m trong đó:

+ Đoạn từ K0 đến K0+305,29m mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước BxH=(0,5x0,5)m, kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200 tường dày 12cm (bản đáy dày 12cm), đáy lót đá 4x6 vữa M50 dày 6cm, độ dốc đáy thiết kế là i=0,0025. Bờ kênh B=0,8m hệ số mái m=1,0. Tổng chiều dài xây mới L = 305,29m;

+ Đoạn từ K0+305,29m đến K0+666,23m mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước BxH=(0,4x0,5)m, kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200 tường dày 12cm (bản đáy dày 12cm), đáy lót đá 4x6 vữa M50 dày 6cm, độ dốc đáy thiết kế lần lượt là i=0,0045; i=0,0035 và i=0,0045. Bờ kênh B=0,8m hệ số mái m=1,0. Tổng chiều dài xây mới L = 360,94m.

+ Công trình trên kênh N2-1 gồm:

Xây mới 04 cống tưới tại K0+51,46m; K0+242,82m; K0+353,35m và K0+621,99m kết cấu bằng bê tông và BTCT đá 1x2 M200, đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm;

Bố trí 04 bậc nước kết hợp cống tưới tại K0+173,46m; K0+300,40m; K0+472,70m và K0+554,68m kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M200, đáy lót đá 4x6 vữa XM M50 dày 8cm.

**8. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:**

| TT | Danh mục | Số hiệu |
|---|---|---|

| TT | Danh mục | Số hiệu |
|---|---|---|
| 1 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về thiết kế | QCVN 04-05:2022/BNNPTNT |
| 2 | Công trình Thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật | TCVN 12845-2020 |
| 3 | CTTL - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế | TCVN 4253 - 2012 |
| 4 | Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế | TCVN 13615: 2022 |
| 5 | Thiết kế dẫn dòng trong xây dựng | TCVN 9160: 2012 |
| 6 | Công trình thủy lợi - Tiêu chuẩn thiết kế tường chắn công trình thủy lợi. | TCVN 9152: 2012 |
| 7 | Công trình thủy lợi - Đường thi công - Yêu cầu thiết kế. | TCVN 9162: 2012 |
| 8 | Hệ thống kênh tưới, tiêu chuẩn thiết kế kênh | TCVN 4118 - 2021 |
| 9 | Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế công trình thủy lợi | TCVN 8478 -2 018 |
| 10 | Công trình thủ lợi – Quy trình vận hành hệ thống cống trình thủy lợi | TCVN 8412 - 2020 |
| 11 | Thành phần nội dung lập Báo cáo đầu tư và Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thủy lợi | TCVN 12845 - 2020 |

**9. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:**

Tổng mức đầu tư xây dựng: 7.500.000.000 đồng

*(Bảy tỷ, năm trăm triệu đồng)*

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng: 6.335.989.000 đ

+ Chi phí quản lý dự án: 187.308.000 đ

+ Chi phí tư vấn đầu tư XD: 589.564.000 đ

+ Chi phí khác: 55.631.000 đ

+ Chi phí dự phòng: 331.508.000 đ

**10. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2026 - 2028.

**11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:**

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn: Không quá 3 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

**12. Hình thức tổ chức quản lý dự án:**

Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

**13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:** Dự án triển khai trên mặt bằng hiện trạng tuyến kênh cũ. Do đó, dự án không vướng mặt bằng thi công.

**Điều 2**. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này và Kết quả thẩm định số 35/KQTĐ-KTHT&ĐT ngày 14/9/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Về việc thông báo Kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Cải tạo, sửa chữa hệ thống kênh mương hồ Quê Hương, phường Buôn Ma Thuột. Đồng thời thực hiện quản lý dự án theo đúng các quy định của Nhà nước.

**Điều 3**. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường Buôn Ma Thuột, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD phường Buôn Ma Thuột và Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan thực hiện quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- CT, các PCT UBND P.BMT;
- KBNN khu vực XIV;
- Lưu: VT, (Ho).

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**




**Đinh Văn Quán**